

Số: /2022/QĐ-UBND Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định quản lý, phân cấp tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân và Nghị định số 115/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 423/TTr-SNV ngày 28 tháng 8 năm 2022 và các Báo cáo của Sở Tư pháp số 83/BC-STP ngày 17 tháng 6 năm 2022, số 981/STP-XD&KTVBQPPL ngày 23/8/2022 về kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, phân cấp tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 10 năm 2022.

Quyết định này thay thế Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức, biên chế, cán bộ, công chức và các quy định về quản lý lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước tại Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quản lý nhà nước đối với các Công ty trách nhiệm hữu hạn thùy lợi trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch các Hội, Quỹ cấp tỉnh; Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các Đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Vĩnh Phúc;
- Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, TH4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Duy Thành

QUY ĐỊNH

Về quản lý, phân cấp tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, phân cấp tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức Hội, Quỹ và cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức bộ máy

a) Các cơ quan hành chính, gồm:

Các sở, ban, ngành, cơ quan quản lý nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

Các chi cục, ban thuộc sở (sau đây gọi chung là chi cục);

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện);

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:

Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục.

c) Tổ chức Hội, Quỹ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu; công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do tỉnh quản lý.

2. Cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng gồm:

a) Cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính do tỉnh quản lý quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Cán bộ, viên chức các tổ chức Hội, Quỹ;

d) Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu; Người được cử làm đại diện chủ sở hữu phân vốn của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên;

đ) Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc sau đây trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp làm việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức Hội, Quỹ và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (gọi chung là lao động hợp đồng).

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quy định tại Văn bản này bao gồm người đứng đầu các sở, ban, ngành, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức Hội, Quỹ cấp tỉnh; các doanh nghiệp Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý (sau đây gọi chung là người đứng đầu cơ quan, đơn vị).

4. Cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quy định tại Văn bản này là người được phân công giúp người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý, phụ trách một số lĩnh vực nhất định trong cơ quan, đơn vị hoặc một số cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, phân cấp

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời, phân cấp cho các cơ quan, đơn vị thực hiện một số nội dung cụ thể về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định.

2. Việc phân cấp đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy tính năng động, linh hoạt, tự chủ, kết hợp chặt chẽ các khâu trong quy trình quản lý cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời, xác định trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cơ quan, đơn vị trước pháp luật, trước cơ quan cấp trên trong việc thực hiện những nội dung được phân cấp.

3. Phân cấp phải gắn với công tác giám sát, kiểm tra và thanh tra. Các quyết định của các cơ quan, đơn vị có liên quan đến tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp phải được báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để theo dõi, tổng hợp và xử lý những hạn chế, khuyết điểm hoặc vi phạm.

4. Các nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức không được nêu tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Nội dung quản lý, phân cấp

1. Quản lý tổ chức bộ máy

a) Đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập: thành lập, tổ chức lại, giải thể, quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động, xếp hạng tổ chức;

b) Đối với doanh nghiệp Nhà nước: thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên, giải thể, chuyển giao, chuyển đổi, cổ phần hóa, xếp hạng;

c) Đối với tổ chức Hội, Quỹ: thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên; nhân sự chủ chốt; tổ chức đại hội; đình chỉ hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại; mở rộng phạm vi hoạt động và kiện toàn, chuyển đổi quỹ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động, thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập và phê duyệt, công nhận điều lệ.

2. Quản lý biên chế

a) Lập kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc (biên chế) hằng năm; điều chỉnh biên chế;

b) Quyết định giao biên chế; phân bổ, sử dụng biên chế, lao động hợp đồng; quản lý vị trí việc làm theo quy định;

c) Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc quản lý biên chế;

d) Thống kê, tổng hợp và báo cáo về biên chế.

3. Quản lý cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng

a) Quản lý số lượng, chất lượng công chức, viên chức; cơ cấu trình độ đào tạo, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị theo quy định;

b) Quản lý công tác tuyển dụng công chức, viên chức và công chức cấp xã theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thi tuyển chức danh lãnh đạo, phê chuẩn, giới thiệu ứng cử, từ chức, cách chức; tiếp nhận, điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác; nghỉ hưu, thôi việc; nhận xét, đánh giá; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; khen thưởng, kỷ luật; nâng lương, nâng ngạch, thăng hạng, chuyển ngạch, thay đổi chức danh nghề nghiệp và thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức Hội, Quỹ thuộc tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

d) Bổ nhiệm, chỉ định, miễn nhiệm, cách chức, từ chức, nghỉ hưu, thôi việc, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật các chức danh lãnh đạo doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo các nội dung quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN QUẢN LÝ, PHÂN CẤP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ VÀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Mục 1. QUẢN LÝ TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thực hiện nhiệm vụ về tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính theo quy định tại Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; các quy định hiện hành của Chính phủ, bao gồm:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ;

b) Trình HĐND tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 158/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và khoản 1 Điều 12 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ);

d) Quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 158/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

đ) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chi cục thuộc sở theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP của Chính phủ);

e) Hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ).

2. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ, bao gồm:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác;

b) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở; thuộc chi cục và tương đương thuộc sở; thuộc tổ chức hành chính khác

thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (trừ các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

d) Phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án theo Đề án được phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

đ) Quyết định thành lập Hội đồng quản lý và phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thuộc sở, ngành, thuộc chi cục.

3. Chuyên đổi mô hình hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý; chuyển giao, chuyển đổi, cổ phần hóa, đổi tên, xếp hạng doanh nghiệp Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

4. Vị trí việc làm, biên chế công chức theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

a) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc địa phương xây dựng đề án vị trí việc làm hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm; thẩm định đề án vị trí việc làm hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm; quyết định, điều chỉnh vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý;

b) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc địa phương lập kế hoạch biên chế công chức hằng năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức; thẩm định kế hoạch biên chế công chức hằng năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý; tổng hợp và lập kế hoạch biên chế công chức hằng năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức gửi Bộ Nội vụ theo quy định;

c) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao và triển khai thực hiện sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

5. Vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

a) Quyết định phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổ chức thẩm định, tổng hợp kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định, gửi Bộ Nội vụ để thẩm định;

c) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo

đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc đã được Bộ Nội vụ thẩm định;

đ) Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

e) Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên theo quy định.

6. Quyết định giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã; ban hành quy chế tuyển dụng công chức cấp xã; quy định ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã theo quy định tại Điều 1, Điều 4, Điều 9 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ.

7. Phân loại đơn vị hành chính theo Điều 26, 27 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và các quy định hiện hành của Chính phủ, bao gồm:

a) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua;

b) Gửi Bộ Nội vụ hồ sơ dự kiến phân loại đơn vị hành chính cấp huyện theo quy định tại Điều 25 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

8. Quyết định chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới theo khoản 1, Điều 8 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, thuộc chi cục, thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ.

2. Quyết định xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, đơn vị sự nghiệp trực thuộc chi cục theo hướng dẫn của bộ ngành được quy định tại khoản 1 Điều 19 Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Quyết định thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể tổ chức phối hợp liên ngành theo quy định.

4. Cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ tổ chức hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh theo quy định.

5. Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép

quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; mở rộng phạm vi hoạt động và kiện toàn, chuyển đổi quỹ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập quỹ xã hội, quỹ từ thiện cấp tỉnh (trừ quỹ xã hội, quỹ từ thiện có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập, hoạt động trong phạm vi tỉnh), cấp huyện, cấp xã (đối với quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã) theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ.

6. Quản lý số lượng lao động hợp đồng (theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ) trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Quyết định công nhận phân loại đơn vị hành chính cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Quyết định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Quyết định kết quả phân loại thôn, tổ dân phố theo Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ.

8. Quyết định chuyển thôn thành tổ dân phố trong trường hợp thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022 của Bộ Nội vụ).

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của thủ trưởng các sở, ban, ngành

1. Chỉ đạo xây dựng đề án, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo quy định.

2. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của phòng chuyên môn và tương đương (văn phòng, thanh tra) thuộc sở, ngành; phòng chuyên môn thuộc chi cục trên cơ sở số lượng phòng chuyên môn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bên trong đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ngành; đơn vị trực thuộc chi cục theo phương án, đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Xây dựng đề án (hoặc chuẩn bị hồ sơ) và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định:

- a) Xếp hạng đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý;
- b) Thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;
- c) Thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ;
- d) Chuyển đổi mô hình hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý; chuyển giao, chuyển đổi, cổ phần hóa, đổi tên, xếp hạng doanh nghiệp Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

5. Chỉ đạo Thủ trưởng đơn vị đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý, xây dựng Đề án tự chủ (bao gồm các nội dung tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính) của đơn vị, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật đối với các nội dung theo Đề án tự chủ của đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

6. Chỉ đạo Thủ trưởng đơn vị đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý, xây dựng Đề án, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp tự chủ theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 7, khoản 3 Điều 25 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

7. Xây dựng Đề án vị trí việc làm hoặc Đề án điều chỉnh vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và quản lý vị trí việc làm theo Quyết định được phê duyệt.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Xây dựng Đề án và trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định: thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Xây dựng Đề án tự chủ (bao gồm các nội dung tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính) của đơn vị, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật đối với các nội dung theo Đề án tự chủ của đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản lý theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 7, khoản 3 Điều 25 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Xây dựng Đề án vị trí việc làm hoặc Đề án điều chỉnh vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm của đơn vị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và quản lý vị trí việc làm theo Quyết định được phê duyệt.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 26 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và khoản 3 Điều 21 Nghị định 158/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Quy định tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa

phương, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 108/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định 37/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập quy định thuộc thẩm quyền quản lý (trừ các đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo) theo quy định của pháp luật, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý. Quyết định thành lập Hội đồng quản lý và phê duyệt quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Xây dựng Đề án thành lập, sáp nhập, chia, tách tổ chức lại, giải thể, trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp học cao nhất là trung học phổ thông) theo quy định tại Điều 25, Điều 26, Điều 29 và Điều 31 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ.

7. Xây dựng Đề án vị trí việc làm hoặc Đề án điều chỉnh vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và quản lý vị trí việc làm theo Quyết định được phê duyệt.

8. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp huyện trình HĐND cùng cấp xem xét thông qua trước khi gửi Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

9. Trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định công nhận phân loại đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

10. Giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới theo khoản 1, Điều 8 Thông tư 04/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập các cơ sở giáo dục công lập, tổ chức lại, giải thể các cơ sở giáo dục gồm: Cơ sở giáo dục mầm non; trường tiểu học; trường trung học cơ sở; trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó cấp học cao nhất là trung học cơ sở); trung tâm học tập cộng đồng; các cơ sở giáo dục có tên gọi khác (nếu có) thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Nghị định số 46/2017/NĐ-CP của Chính phủ (sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước thuộc Bộ, ngành Trung ương và địa phương khác đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương.

3. Quản lý, hướng dẫn, thực hiện phân bổ biên chế hằng năm cho các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có sau khi đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư 04/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, thông qua, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới (khi được giao) theo khoản 1 Điều 8 Thông tư 04/2012/TT-BNV; xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện theo Điều 9 Thông tư 04/2012/TT-BNV; lập hồ sơ đổi tên thôn, tổ dân phố trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8a Thông tư 04/2012/TT-BNV (đã được bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022 của Bộ Nội vụ).

3. Xây dựng Đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở giáo dục công lập gồm: Trường trung học cơ sở; trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó cấp học cao nhất là trung học cơ sở); trường tiểu học; cơ sở giáo dục mầm non; trung tâm học tập cộng đồng; các cơ sở giáo dục có tên gọi khác (nếu có) theo Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 5 (trừ khoản 3), Điều 6 bản Quy định này.

2. Chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý tổ chức bộ máy và biên chế theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, gồm:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 2 Thông tư số 05/2021/TT-BNV ngày 12/8/2021 của Bộ Nội vụ.

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 2 Thông tư số 05/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

c) Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 2 Thông tư số 05/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

d) Trình thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác về cơ quan thẩm định) theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư số 05/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

đ) Trình thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư số 05/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

e) Thẩm định, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện phân loại, xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập của địa phương theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 2 Thông tư số 05/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

3. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Đề án vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và phê duyệt bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

Mục 2. QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh

Quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức theo Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức và các văn bản hiện hành của Chính phủ, bao gồm:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tuyển dụng công chức từ cấp huyện trở lên trên cơ sở vị trí việc làm và biên chế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; cho ý kiến bằng văn bản đối với các trường hợp tiếp nhận vào công chức để bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo quản lý để Sở Nội vụ quyết định tiếp nhận công chức.

2. Quy định thi tuyển, tuyển chọn công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh.

3. Tổ chức thi hoặc xét nâng ngạch đối với công chức theo quy định, cụ thể: thi hoặc xét nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương; từ ngạch nhân viên hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương.

4. Tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II sau khi có ý kiến về nội dung Đề án và chỉ tiêu nâng ngạch, thăng hạng của Bộ Nội vụ. Quyết định về chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương, hạng IV và tương đương để các cơ quan tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho thôi giữ chức vụ, đình chỉ chức vụ, kỷ luật, nghỉ hưu và chính sách khác theo Thông báo của Tỉnh ủy đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý công tác tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh (riêng đối với các chức danh thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội & Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban, Phó trưởng các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ quyết định về chế độ chính sách).

2. Trên cơ sở thống nhất chủ trương của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho thôi giữ chức vụ, đình chỉ chức vụ, kỷ luật, nghỉ hưu và chính sách khác đối với các chức danh cán bộ được phân cấp quản lý theo Quy định số 01-QĐ/TU ngày 25/11/2021 của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc và Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, như sau:

a) Giám đốc, Phó Giám đốc: Các Ban quản lý dự án cấp tỉnh, Quỹ Đầu tư phát triển và Bảo lãnh tín dụng tỉnh và tương đương; Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Giải phóng mặt bằng và Phát triển quỹ đất.

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường cao đẳng trở lên thuộc tỉnh.

c) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật tỉnh, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị và các tổ chức Hội đặc thù cấp tỉnh (trừ nhân sự diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý);

d) Đối với lãnh đạo doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, gồm:

- Quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên;

- Có ý kiến trước khi Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc, Giám đốc;

- Phê duyệt chủ trương theo đề nghị của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc.

đ) Đối với lãnh đạo doanh nghiệp có phần vốn nhà nước:

Quyết định đánh giá, cử, cử lại, cho thôi đại diện phần vốn nhà nước, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với người đại diện phần vốn nhà nước.

3. Quyết định đưa vào hoặc đưa ra khỏi danh sách người có tài năng trong hoạt động công vụ sau khi trao đổi ý kiến với các tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; quyết định điều động, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên ủy ban nhân dân.

6. Giới thiệu đề Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 08/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

7. Hủy bỏ quyết định của các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Hội cấp tỉnh về quản lý, sử dụng quỹ tiền lương và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trái với quy định của pháp luật.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Về quản lý cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng: Chỉ đạo thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, Điều 66 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

a) Hướng dẫn các đơn vị, tổ chức trực thuộc quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đề nghị cấp có thẩm quyền về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, thôi giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương, phụ cấp và chính sách khác đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan cấp trên và thực hiện quy trình công tác cán bộ theo quy định.

c) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, thôi giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, thực hiện chính sách đối với chi cục trưởng, phó chi cục trưởng; trưởng ban, phó trưởng ban; trưởng phòng, phó trưởng phòng; cấp trưởng, cấp phó các đơn vị sự nghiệp thuộc sở (trừ các cách danh thuộc diện Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý theo phân cấp).

d) Cho ý kiến về việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, thôi giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, thực hiện chính sách đối với các chức danh: Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục, Trung tâm, Bệnh viện. Quyết định hoặc giao Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc thực hiện quy trình, ban hành quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, thôi giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, thực hiện chính sách theo quy định đối với các cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý.

đ) Phân công nhiệm vụ, bố trí việc làm; nhận xét, đánh giá, kiểm điểm và thực hiện chế độ, chính sách theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên đang công tác tại cơ quan, đơn vị.

e) Quản lý toàn diện cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền (trừ các chức danh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý) và lao động hợp đồng đảm nhiệm các vị trí việc làm chuyên môn, hỗ trợ, phục vụ.

f) Đề xuất giải pháp và tổ chức thực hiện việc sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong thẩm quyền quản lý không quá số lượng quy định khi được cấp có thẩm quyền cho ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện theo thẩm quyền.

2. Tuyển dụng công chức, viên chức, lao động hợp đồng

a) Tuyển dụng công chức: căn cứ chỉ tiêu biên chế, nhu cầu vị trí việc làm, đề xuất số lượng, yêu cầu tuyển dụng theo quy định.

b) Tuyển dụng viên chức: thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thực hiện việc tuyển dụng sau khi được Sở Nội vụ thẩm định kế hoạch tuyển dụng.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyển dụng sau khi được Sở Nội vụ thẩm định kế hoạch tuyển dụng trên cơ sở số lượng người làm việc, vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Quyết định tiếp nhận và phân công tác đối với người được tuyển dụng vào công chức. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền huỷ bỏ quyết định tuyển dụng đối với công chức không đạt yêu cầu sau khi hết thời gian tập sự hoặc bị xử lý hình thức kỷ luật trong thời gian tập sự theo quy định của pháp luật.

d) Ký kết hợp đồng làm việc đối với người được tuyển dụng vào viên chức theo quy định. Quyết định chấm dứt hợp đồng đối với viên chức không hoàn thành thời gian tập sự hoặc bị xử lý kỷ luật trong thời gian tập sự theo quy định của pháp luật.

đ) Quyết định ký kết, chấm dứt lao động hợp đồng đảm nhiệm các vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ theo chỉ tiêu và cơ cấu nhân viên được cấp có thẩm quyền giao.

3. Về thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

a) Các sở: Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tài nguyên và Môi trường; Xây dựng; Thông tin và Truyền thông; Khoa học và Công nghệ: xây dựng Đề án, thống nhất ý kiến với Sở Nội vụ trước khi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chỉ tiêu thăng hạng

để làm căn cứ tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III và hạng IV đối với viên chức thuộc chuyên ngành trong toàn tỉnh.

b) Sở Nội vụ xây dựng Đề án, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chỉ tiêu thăng hạng để làm căn cứ tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương, hạng IV và tương đương đối với viên chức các chuyên ngành hành chính, khác.

4. Tiếp nhận, điều động, chuyển chuyên công tác cán bộ, công chức, viên chức

a) Chấp hành quyết định điều động, chuyển chuyên, luân chuyển công tác cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan có thẩm quyền do yêu cầu nhiệm vụ quan trọng, đột xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Quyết định phân công, tiếp nhận, điều động, chuyển chuyên công tác đối với cán bộ, công chức trong các đơn vị quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý.

c) Quyết định phân công, tiếp nhận, điều động, chuyển chuyên cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý đến các cơ quan hành chính trong tỉnh và ngược lại trên cơ sở chỉ tiêu biên chế, vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Quyết định phân công, tiếp nhận, điều động viên chức đến công tác tại đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức Hội trong tỉnh trên cơ sở vị trí việc làm và số lượng người làm việc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chuyển chuyên công tác ra ngoài tỉnh đối với viên chức (trừ cán bộ diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và các trường hợp được tỉnh cử đi đào tạo, hưởng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh).

đ) Quyết định tiếp nhận viên chức các đơn vị sự nghiệp chưa tự chủ đến công tác tại đơn vị sự nghiệp tự chủ chi đầu tư và chi thường xuyên và đơn vị tự chủ chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc được phê duyệt.

e) Đề nghị Sở Nội vụ quyết định:

- Tiếp nhận, điều động cán bộ, công chức, viên chức đang công tác ở khối Đảng, đoàn thể, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp nhà nước hoặc ở ngoài tỉnh về công tác tại các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

Đối với đơn vị sự nghiệp tự chủ chi đầu tư và chi thường xuyên và đơn vị tự chủ chi thường xuyên: Tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức tỉnh ngoài đến công tác tại đơn vị; chuyển chuyên viên chức của các đơn vị sự nghiệp tự chủ đến các đơn vị sự nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu biên chế và cấp kinh phí hoạt động.

- Chuyển chuyên công tác ra ngoài tỉnh đối với công chức, viên chức diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và các trường hợp được tỉnh cử đi đào tạo, hưởng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Điều động viên chức đến công tác tại cơ quan hành chính trên cơ sở chỉ tiêu biên chế, vị trí việc làm, tiêu chuẩn điều kiện và cơ cấu ngạch công chức đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Xét chuyển cán bộ cấp xã, công chức cấp xã và viên chức thành công chức cấp huyện trở lên hoặc cán bộ, công chức cấp xã thành viên chức.

5. Về chế độ nâng lương, ngạch, bậc

a) Đề nghị Sở Nội vụ trình cơ quan có thẩm quyền: quyết định lương đối với các chức danh lãnh đạo thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan cấp trên đang công tác tại cơ quan, đơn vị; nâng lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức; cử cán bộ, công chức, viên chức thi nâng ngạch, thăng hạng theo quy định. Đề nghị Sở Nội vụ thẩm định việc xếp lương khi nâng ngạch, thăng hạng, chuyển ngạch, thay đổi chức danh.

b) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, viên chức hạng I và tương đương (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh); nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức hưởng phụ cấp thâm niên nghề lần đầu thuộc thẩm quyền quản lý sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ.

c) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên đối với cán bộ, công chức các cơ quan hành chính ngạch chuyên viên chính trở xuống, viên chức hạng II và tương đương trở xuống (trừ các chức danh lãnh đạo thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan cấp trên). Quyết định nâng phụ cấp thâm niên nghề hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức.

6. Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch hàng năm của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định việc đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh.

7. Đánh giá, xếp loại, thực hiện chế độ, chính sách về nghỉ hưu, thôi việc, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

8. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách tiền lương và thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng các đơn vị, tổ chức trực thuộc; về phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật hoặc phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo về quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng theo quy định (kể cả hồ sơ cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quyết định số lượng, cơ cấu cán bộ và số lượng, cơ cấu công chức của từng Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định trên cơ sở số lượng cán bộ, công chức đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo khoản 2 Điều 2 Quyết định số

2449/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã.

2. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch bố trí, sử dụng, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý và tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã và tổ chức thi tuyển theo quy định của pháp luật theo khoản 2 Điều 5 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 15 bản Quy định này.

2. Phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; quyết định điều động, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo khoản 3 Điều 6 Nghị định số 08/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Giới thiệu đề Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp huyện theo khoản 2 Điều 11 Nghị định số 08/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Quyết định tuyển dụng, phân công, điều động, luân chuyển và bố trí người đảm nhiệm các chức danh công chức cấp xã phù hợp với chuyên ngành đào tạo và đáp ứng các yêu cầu của vị trí chức danh công chức theo khoản 3 Điều 9 Thông tư 13/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

5. Chịu trách nhiệm về các điều kiện, tiêu chuẩn, phẩm chất, trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển khoản 2 Điều 7 Thông tư 13/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ (đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên)

1. Xây dựng Đề án vị trí việc làm và lập kế hoạch số lượng người làm việc theo quy định.

2. Quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị; quyết định số lượng người làm việc của đơn vị, bảo đảm không được thấp hơn định mức số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập do bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành; bảo đảm việc làm, thu nhập ổn định đối với số lượng người làm việc của đơn vị, không làm tăng kinh phí chi đầu tư đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

3. Thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của đơn vị, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp và Sở Nội vụ theo quy định.

4. Tổ chức thi tuyển viên chức theo vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, báo cáo cơ quan chủ quản và gửi Sở Nội vụ thẩm định trước khi thực hiện. Tuyển dụng viên chức sau khi được Sở Nội vụ công nhận kết quả trúng tuyển.

5. Quyết định tiếp nhận viên chức các đơn vị sự nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu biên chế đến công tác tại đơn vị trên cơ sở chỉ tiêu số lượng người làm việc được phê duyệt và nhu cầu vị trí việc làm.

6. Ký hợp đồng làm việc, chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện quản lý, đánh giá, thống kê báo cáo về viên chức; quản lý hồ sơ viên chức của đơn vị theo quy định.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Tham mưu và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung tại Điều 13, Điều 14 bản Quy định này.

2. Chỉ đạo thực hiện thẩm định đề án, đề nghị của các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các hội thuộc tỉnh về cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền.

3. Tham mưu, trình Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua hoặc báo cáo, xin ý kiến Tỉnh ủy về chủ trương và nhân sự chủ chốt tổ chức hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh (trừ tổ chức hội thuộc diện Tỉnh ủy quản lý) theo phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh.

4. Cho ý kiến tổ chức đại hội, nhân sự chủ chốt tổ chức hội không có tính chất đặc thù cấp tỉnh; thông báo tổ chức đại hội, nhân sự chủ chốt tổ chức hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh sau khi có ý kiến của Tỉnh ủy, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ tổ chức hội thuộc diện Tỉnh ủy quản lý) theo phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh và quy định của pháp luật.

5. Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ Thường trực của các Hội đồng, gồm: Hội đồng tuyển dụng công chức; Hội đồng thi nâng ngạch công chức, viên chức hành chính từ ngạch chuyên viên chính trở xuống; Hội đồng thi, xét thăng hạng viên chức từ hạng II và tương đương trở xuống (trừ viên chức đã phân cấp cho các cơ quan, đơn vị thực hiện tại khoản 3 Điều 15 Quy định này); Hội đồng thi tuyển, tuyển chọn công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; Hội đồng nâng lương trước thời hạn do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

6. Về tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, chuyển chuyển cán bộ, công chức, viên chức

a) Quyết định tuyển dụng công chức cấp huyện trở lên sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả trúng tuyển; quyết định tiếp nhận công chức để bổ nhiệm lãnh đạo quản lý đối với các trường hợp không phải thi sát hạch sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh; quyết định tiếp nhận công chức đối với các trường hợp hiện đang công tác tại đơn vị sự nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hội và đã từng là cán bộ, công chức cấp huyện trở lên.

b) Chỉ đạo thực hiện thẩm định kế hoạch tuyển dụng viên chức, công chức cấp xã; có ý kiến thống nhất về kết quả trúng tuyển và xếp lương đối với các trường hợp trúng tuyển viên chức và công chức cấp xã; thống nhất bằng văn bản đối với trường hợp tiếp nhận vào làm viên chức không giữ chức vụ quản lý sau khi có kết quả kiểm tra sát hạch của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.

c) Quyết định tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức từ các cơ quan Đảng, đoàn thể, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp nhà nước, từ các cơ quan ngoài tỉnh đến làm việc tại các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp của tỉnh trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (trừ việc điều động, luân chuyển công chức từ khối Nhà nước sang khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội thuộc cấp huyện và ngược lại hoặc từ cấp huyện xuống cấp xã mà không vượt tổng biên chế được giao cho từng khối ở cấp huyện).

d) Quyết định điều động công chức các cơ quan nhà nước đến làm việc tại các đơn vị sự nghiệp, tổ chức Hội và ngược lại theo quy định.

đ) Quyết định điều động, chuyển chuyển công tác ra ngoài tỉnh hoặc ngoài khối Nhà nước đối với công chức, viên chức diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và có ý kiến đề thủ trưởng các cơ quan quyết định điều động, chuyển chuyển công tác ra ngoài tỉnh đối với các trường hợp được tỉnh cử đi đào tạo, hưởng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

7. Thẩm định, cho ý kiến về việc nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, viên chức hạng I và tương đương (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh); nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức; xếp lương khi nâng ngạch, thăng hạng, chuyển ngạch, thay đổi chức danh đối với cán bộ, công chức, viên chức.

8. Quyết định ngạch công chức từ chuyên viên chính và tương đương trở xuống; quyết định xếp hạng viên chức hạng I và tương đương (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

9. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ, CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 20. Trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị

1. Chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của cơ quan, đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý; phát huy dân chủ, kỷ luật, kỷ cương, giữ gìn đoàn kết; áp dụng công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý. Không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

2. gương mẫu và nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của cấp trên; tổ chức, điều hành cơ quan, đơn vị thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, có chất lượng và đúng thời hạn được giao; quyết định chủ trương, giải pháp cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về quyết định đó.

3. Ban hành hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản phù hợp với quy định pháp luật, bao gồm: văn bản quy phạm pháp luật, văn bản cá biệt, công văn chỉ đạo, điều hành và nội quy, quy chế, điều lệ, quy định áp dụng trong nội bộ cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý.

4. Căn cứ các quy định về phân công, phân cấp và nhiệm vụ, quyền hạn được giao, ban hành văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cấp phó, các tổ chức, đơn vị cấu thành hoặc từng cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền; không để tình trạng chồng chéo, trùng lặp về nhiệm vụ hoặc trách nhiệm không rõ ràng; bảo đảm Cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng thuộc quyền thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và đúng pháp luật.

5. Tuyên dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, nâng lương, cử dự thi nâng ngạch, thăng hạng, quyết định nâng ngạch, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Thực hiện yêu cầu về cải cách hành chính, nâng cao chất lượng cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa hiện đại và áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc.

7. Quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản công được giao; phòng, chống cháy nổ và bảo đảm an toàn lao động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị. Khi sử dụng các nguồn tài chính, các tài sản, trang thiết bị phải thực hiện đúng chế độ, chính sách và đúng quy định của pháp luật; quản lý, kiểm tra thường xuyên, không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, hư hỏng, mất mát, thất thoát. Ban hành và thực hiện có hiệu quả các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng.

8. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về văn hóa công sở; không để xảy ra tình trạng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý có thái độ hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà cho công dân, tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

9. Tổ chức thực hiện đúng, đủ các nội dung, yêu cầu về Quy chế dân chủ trong cơ quan, đơn vị; công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện các quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; số lượng, chất lượng giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; tỷ lệ thực hiện các quyết định có hiệu lực pháp luật giải quyết khiếu nại, tố cáo; không để tình trạng khiếu kiện đông người và xảy ra điểm nóng.

10. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; về phát ngôn, khai thác, quản lý và sử dụng mạng internet và chế độ thông tin, báo cáo trong cơ quan, đơn vị.

11. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm đối với cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị

Cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 4 Điều 2 bản Quy định này cũng phải chịu trách nhiệm như người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong lĩnh vực được phân công lãnh đạo, quản lý, điều hành bằng văn bản ủy quyền hoặc bằng quyết định phân công phụ trách lĩnh vực của người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc cơ quan chủ quản cấp trên.

Điều 22. Những trường hợp xem xét xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị

1. Vi phạm nội dung quản lý chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu quy định tại Điều 7, 8, 10, 12, 14, 15, 17, 18, 19 và Điều 20 Quy định này.

2. Khi phát hiện Cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng thuộc quyền quản lý vi phạm pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ, người đứng đầu không có biện pháp kiên quyết để chấm dứt hành vi vi phạm đó và không kịp thời áp dụng biện pháp khắc phục có hiệu quả.

3. Không giao nhiệm vụ hoặc giao nhiệm vụ cho cấp dưới không rõ việc; không kiểm tra hoặc thiếu kiểm tra, đôn đốc cấp dưới thực hiện. Cơ quan đơn vị quản lý không hoàn thành nhiệm vụ được giao, chậm trễ trong tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Cấp dưới đã báo cáo, xin chỉ thị những vấn đề thuộc thẩm quyền của người đứng đầu nhưng không kịp thời giải quyết theo quy định.

5. Đưa ra ý kiến chỉ đạo trái pháp luật, chung chung, không rõ ràng, không nhất quán, gây lãng phí ngân sách, tài sản của Nhà nước; tham mưu, đề

xuất, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản trái pháp luật; không thực hiện đúng thời hạn nhiệm vụ được giao.

6. Cấp phó, người đại diện hoặc người được ủy quyền làm trái chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà pháp luật đã giao cho người đứng đầu.

7. Đề cấp phó, cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý tham nhũng, lãng phí.

8. Đề tình trạng đơn, thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp, kéo dài.

9. Xử lý không nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật của cấp dưới hoặc bao che cho hành vi vi phạm pháp luật của cấp dưới.

Điều 23. Những trường hợp người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị không phải xem xét trách nhiệm

1. Người đứng đầu được loại trừ trách nhiệm khi vắng mặt tại đơn vị (nghỉ phép, nghỉ không lương, đi công tác, học tập dài ngày...) và đã ủy quyền giải quyết công việc bằng văn bản cho cấp dưới.

2. Cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị được loại trừ trách nhiệm khi vắng mặt tại đơn vị (nghỉ phép, nghỉ không lương, đi công tác, học tập dài ngày...) đã báo cáo và được người đứng đầu chấp thuận.

3. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra sai phạm trong đơn vị, lĩnh vực công tác do mình quản lý, phụ trách còn được loại trừ trách nhiệm trong trường hợp đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc chế độ trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu và áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn sai phạm đối với Cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Trường hợp người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu phải chấp hành quyết định của cấp trên, khi có căn cứ để cho là quyết định đó trái pháp luật thì phải báo cáo ngay với người ra quyết định; trong trường hợp vẫn phải chấp hành thì phải báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó.

Điều 24. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị bị xem xét tăng nặng một mức đánh giá trách nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Báo cáo sai sự thật về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao.

2. Để xảy ra sai phạm nghiêm trọng trong đơn vị, lĩnh vực công tác do mình quản lý, phụ trách khi cấp có thẩm quyền đã nhắc nhở nhưng không quán triệt, cảnh báo, chấn chỉnh kịp thời để rút kinh nghiệm và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn.

3. Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi vi phạm chế độ trách nhiệm nhưng tiếp tục tái phạm hoặc thiếu trung thực trong báo cáo, tường trình, tiếp thu phê bình, kiểm điểm hoặc cố tình né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Điều kiện đảm bảo nguồn lực thực hiện

1. Giao Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc bố trí nguồn lực đảm bảo thực hiện các nội dung phân cấp theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Các quy định pháp luật dẫn chiếu tại văn bản này nếu được điều chỉnh, bổ sung, thay thế thì được thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 26. Giao Sở Nội vụ là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức hội, quỹ; cán bộ quản lý doanh nghiệp Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

Điều 27. Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Hội cấp tỉnh; Chủ tịch hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật và quy định tại văn bản này về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức. Ngoài các quy định trên, Giám đốc các sở có trách nhiệm:

1. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều 5; trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

b) Làm đầu mối chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan theo dõi tình hình hoạt động của các doanh nghiệp và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chỉ định, miễn nhiệm, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên.

3. Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định việc xếp hạng các doanh nghiệp Nhà nước, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

b) Thẩm định quỹ tiền lương doanh nghiệp Nhà nước, Người đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

c) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, người lao động trong doanh nghiệp Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.